

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Chấm điểm.

Mức điểm tối đa theo thang điểm 100 được chi tiết theo từng nội dung yêu cầu trong Bảng dưới đây. E-HSĐT có tổng số điểm đạt hoặc vượt mức yêu cầu tối thiểu của tổng điểm kỹ thuật; có tổng điểm từng nội dung đạt hoặc vượt số điểm yêu cầu từng nội dung (yêu cầu tối thiểu ghi trong Bảng dưới đây) sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật được tiếp tục xem xét về tài chính.

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
I	Vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình	25	25
1	Bảng kê danh mục Vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình	10	
1.1	Có bảng kê danh mục Vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết như quy định tại Phụ lục 01 kèm theo chương V của E-HSMT.	10	
1.2	Không có bảng kê danh mục Vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình <i>hoặc</i> có bảng kê danh mục Vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình nhưng không đầy đủ các thông tin cần thiết như quy định tại Phụ lục 01 kèm theo chương V của E-HSMT, kể cả sau khi được Bên mời thầu yêu cầu bổ sung, làm rõ.	0	
2	Vật tư, vật liệu, thiết bị quy định tại Phụ lục 01 kèm theo chương V của E-HSMT	15	
2.1	Nhà thầu có cam kết theo đúng nội dung sau: “Chúng tôi [<i>Ghi tên nhà thầu</i>] cam kết sử dụng Vật tư, vật liệu, thiết bị thuộc Phụ lục 01 kèm theo chương V của E-HSMT đáp ứng hoàn toàn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục này. Nếu có bất kỳ vật tư, vật liệu, thiết bị nào không đáp ứng hoàn toàn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 01 kèm theo chương V của E-HSMT, Chúng tôi cam kết sẽ thay đổi sang loại vật tư, vật liệu, thiết bị khác đáp ứng hoàn toàn yêu cầu kỹ thuật và không làm thay đổi giá dự thầu trong quá trình hoàn thiện ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư”. Trường hợp nhà thầu không thực hiện đúng cam kết trên trong quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì được coi là nhà thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng và sẽ bị tịch thu bảo đảm dự thầu.	15	
2.2	Nhà thầu không có cam kết, hoặc có cam kết nhưng không theo đúng nội dung quy định tại mục 2.1, kể cả sau khi được Bên mời thầu yêu cầu bổ sung, làm rõ.	0	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
II	Tổ chức công trường, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo chất lượng, biện pháp đảm bảo an toàn lao động	45	30
1	Tổ chức công trường	5	
1.1	Có hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường	3	
1.2	Tổ chức mặt bằng công trường: Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công,....	2	
2	Biện pháp thi công	20	
2.1	Phần cọc khoan nhồi	10	
2.2	Phần ngầm	10	
3	Biện pháp đảm bảo chất lượng	10	
3.1	Có biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình	2	
3.2	Có biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công	2	
3.3	Tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng cho từng công tác thi công	2	
3.4	Biện pháp xử lý đối với các hư hỏng	2	
3.5	Có biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán	2	
4	Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ	10	
4.1	Các biện pháp bảo vệ môi trường	4	
4.2	Biện pháp phòng cháy chữa cháy	3	
4.3	Biện pháp đảm bảo an toàn lao động	3	
III	Mức độ đáp ứng về thời gian thực hiện gói thầu	15	8
1	Thời gian thực hiện gói thầu (tính từ ngày khởi công cho đến khi hoàn thành việc thi công gói thầu, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật, lễ, tết)	10	
	<i>Cứ rút ngắn 5 ngày so với tiến độ 85 ngày thì được cộng thêm 0,5 điểm nhưng tối đa không cộng quá 3 điểm</i>	0-3	
	<i>Tổng tiến độ = 85 ngày</i>	7	
	<i>Tổng tiến độ > 85 ngày</i>	0	
2	Tính hợp lý của bảng tiến độ thi công	2	
3	Có biện pháp bù tiến độ khi gặp điều kiện bất lợi ảnh hưởng đến tiến độ công trình	3	
IV	Thời gian bảo hành (tính từ khi nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình thuộc gói thầu)	10	7
	< 12 tháng	0	
	12 tháng	7	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	Cứ thêm 2 tháng bảo hành so với 12 tháng thì cộng thêm 0,5 điểm, tối đa không quá 3 điểm	0-3	
V	Uy tín của nhà thầu	5	0
1	Hợp đồng tương tự: Là hợp đồng thi công xây dựng hạng mục công trình phần ngầm trong đó có thi công cọc khoan nhồi, giá trị tối thiểu 5.311.398.071 đồng đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Đối với nhà thầu liên danh: - Hợp đồng tương tự của từng thành viên liên danh được xét tương ứng với phạm vi công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh. - Số lượng hợp đồng tương tự của liên danh được tính bằng số hợp đồng tương tự của thành viên liên danh nào có số hợp đồng tương tự ít nhất	3	
	<i>01 hợp đồng tương tự</i>	<i>1</i>	
	<i>02 hợp đồng tương tự</i>	<i>2</i>	
	<i>≥ 03 hợp đồng tương tự</i>	<i>3</i>	
2	Hợp đồng tương tự vượt tiến độ <i>≥ 01 hợp đồng</i>	1 <i>1</i>	
3	Hợp đồng đạt giải thưởng về chất lượng <i>≥ 01 hợp đồng</i>	1 <i>1</i>	
	Tổng điểm kỹ thuật	100	70

Cách đánh giá:

- Đối với những mục có chỉ dẫn chi tiết cụ thể thì Điểm đánh giá xác định theo điểm chuẩn đã quy định cụ thể.

- Đối với những mục không có chỉ dẫn chi tiết cụ thể (mục II, III) thì sử dụng “Hệ số đánh giá”:

+ Hệ số đánh giá 0,9 - 1,0: Trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý.

+ Hệ số đánh giá 0,7 - 0,9: Trình bày tương đối đầy đủ, chi tiết, hợp lý.

+ Hệ số đánh giá 0,5 - 0,7: Trình bày cơ bản, còn thiếu một số điểm nhưng chấp nhận được.

+ Hệ số đánh giá 0,2 - 0,5: Trình bày sơ sài, không đầy đủ.

+ Hệ số đánh giá 0 - 0,2: Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đáp ứng yêu cầu.

Điểm đánh giá = Hệ số đánh giá x Điểm tối đa

- Đối với các hợp đồng tương tự vượt tiến độ hoặc đạt giải thưởng về chất lượng yêu

cầu nhà thầu cung cấp hợp đồng, biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng có xác nhận của Chủ đầu tư để chứng minh.